

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HS-ST

Ngày 05-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 82/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 và Thông báo số 02/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa đối với các bị cáo:

1. Đào Thị Tuyết Ng, sinh ngày 23 tháng 5 năm 1971 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 57/92 đường D, phường D, quận LC, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 38/92 đường D, phường D, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc Tr (đã chết) và bà Trịnh Thị Minh Nh; có chồng là Trần Minh H (đã ly hôn) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30-11-2022, đến ngày 09-12-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

2. Trương Văn D, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 4/476 H, phường D, quận LC, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện

nay: Số 572 Ng, phường V, quận LC, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Nh và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Phùng Thị H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 09-12-2022, đến ngày 18-12-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

3. Đỗ Lê Th, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Số 6B10, phường C, quận HA, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 20/29/139 Ng, AK, phường Đ, quận HA, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị M; có chồng là Đặng Ngọc T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30-11-2022, đến ngày 09-12-2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Bùi Thị M, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 18/51/309 đường Đ, phường C, quận NQ, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 22/38 D, phường N, quận LC, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29-11-2022, Đào Thị Tuyết Ng và Đỗ Lê Th đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tự thú; đến ngày 09-12-2022, Trương Văn D đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đầu thú về hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là hóa đơn GTGT).

Đối với hành vi của Đào Thị Tuyết Ng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Đào Thị Tuyết Ng khai nhận: Từ năm 2015 đến năm 2021, Ng đã dùng giấy tờ tùy thân của Ng và mượn thêm chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Bùi Thị M (sinh năm 1970, địa chỉ: Số 35 V, phường V, quận NQ, thành phố Hải Phòng) và anh Nguyễn Đức Th (sinh năm 1984, địa chỉ: Số 22/38, phường N, quận LC, thành phố Hải Phòng) để thuê một người phụ nữ tên Nhân (không rõ nhân thân, lai lịch) thành lập và điều hành hoạt động của 04 công ty nhằm thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, cụ thể: Công ty TNHH phát triển thương mại xây dựng Ngọc Minh, MST 0201645551; trụ sở số 1/B165/T4 Thành Tô, quận Hải An, thành phố Hải Phòng, giám đốc là Bùi Thị M (viết tắt là Công ty Ngọc Minh); Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và xây dựng Sao Kim, MST 0202129711, trụ sở

số 130 Mạc Quyết, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng giám đốc là Bùi Thị M (viết tắt là Công ty Sao Kim); Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và xây dựng Kim Thành, MST 0202170068, trụ sở số 9 Trà Khê, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng do Đào Thị Tuyết Ng trực tiếp đứng tên làm Giám đốc (viết tắt là Công ty Kim Thành); Công ty TNHH Dịch vụ vận tải và xây dựng Bảo Lộc, MST 0202170999; trụ sở số 16 tổ dân phố số 9, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, giám đốc Nguyễn Đức Th (viết tắt là Công ty Bảo Lộc). Sau khi thành lập các công ty, Nhân bàn giao cho Ng các tài liệu gồm: Đăng ký kinh doanh của công ty, dấu tròn, dấu chức danh giám đốc, USB chữ ký điện tử; riêng đối với Công ty Ngọc Minh, Nhân lập tài khoản ngân hàng và mua 10 quyền hoá đơn GTGT để giao cho Ng. Ng trả cho Nhân chi phí thành lập và làm các tài liệu, đồ vật để phục vụ điều hành hoạt động của các công ty với số tiền là 100.000.000 đồng/01 công ty.

Về việc xuất bán hóa đơn: Từ quý 4 năm 2015, Ng bắt đầu thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Ngọc Minh. Ng mua và sử dụng sim điện thoại “rác” (hiện không nhớ rõ số thuê bao) để lập tài khoản tại các mạng xã hội Viber, Zalo, Telegram để liên lạc, trao đổi các thông tin về việc mua bán trái phép hoá đơn GTGT. Ng yêu cầu người mua hóa đơn gửi bảng kê hàng hoá có các thông tin gồm: Tên đơn vị mua, mã số thuế, trụ sở, tên hàng hoá dịch vụ, số lượng, đơn giá, thành tiền. Sau khi nhận các thông tin từ khách hàng, Ng sử dụng 10 quyền hoá đơn GTGT do Nhân cung cấp để trực tiếp ghi các nội dung trên hóa đơn, ký giả chữ ký đứng tên giám đốc Bùi Thị M và đóng dấu tại mục “Thủ trưởng đơn vị” rồi xé liên 2 hoá đơn GTGT gửi cho người mua theo thỏa thuận từ trước. Khi bán trái phép hoá đơn cho khách, Ng gửi kèm các tài liệu, chứng từ như: Séc, giấy giới thiệu, giấy lĩnh tiền đều đã được ký, đóng dấu công ty để trống phần nội dung và các tờ giấy A4 có ký lưu không (tờ giấy A4 để trống nội dung đã được ký không, đóng dấu tròn công ty và dấu chức danh giám đốc vào góc trái hoặc phải phía dưới của tờ giấy).

Đối với các Công ty Sao Kim, Công ty Kim Thành, Công ty Bảo Lộc thì Ng xuất bán hóa đơn điện tử. Sau khi thành lập công ty, Ng đặt mua hoá đơn GTGT điện tử có mã của cơ quan thuế cho các công ty trên. Sau khi mua thành công, Ng được cấp tài khoản, mật khẩu phần mềm EINVOICE (là phần mềm xuất hoá đơn GTGT điện tử). Khi nhận được bảng kê khách hàng gửi, Ng sử dụng máy vi tính cá nhân, đăng nhập phần mềm EINVOICE để tạo lập hoá đơn điện tử, sau đó ký xuất hoá đơn điện tử bằng USB chữ ký số của công ty. Hoá đơn điện tử được khởi tạo sẽ truyền trực tiếp đến hệ thống của công ty mua theo cách thức truyền nhận hoá đơn điện tử giữa hai bên. Khi bán hoá đơn điện tử cho khách, nếu khách yêu cầu in hoá đơn bản chuyển đổi (bản giấy) và đóng dấu tròn công ty thì Ng vào phần chuyển đổi để in và gửi kèm cho khách các tờ giấy A4 lưu không và séc của Ngân hàng ACB

đã ký tên giám đốc, đóng dấu công ty, dấu chức danh giám đốc vào mục “Chủ tài khoản”. Tất cả các hóa đơn, tài liệu của các Công ty Ng gửi cho khách theo đường bưu điện hoặc thông qua xe ôm, xe khách đến địa chỉ khách yêu cầu.

Về việc hợp thức hóa chứng từ hàng hóa, dịch vụ: Để hợp thức hóa các hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa, dịch vụ, người mua hóa đơn tự in các tài liệu như: Hợp đồng mua bán, phiếu báo giá, bảng kê chi tiết hàng hóa, biên bản bàn giao hàng hóa, phiếu xuất kho... lên các tờ giấy lưu không do Ng cung cấp khi bán hóa đơn phù hợp với nội dung ghi khống trong hoá đơn GTGT. Để có chứng từ thanh toán hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn như việc mua bán hàng hoá, dịch vụ có thật, Ng và người mua đã thoả thuận thực hiện như sau:

Đối với Công ty Ngọc Minh: Ng cung cấp cho các đối tượng mua hoá đơn sổ tài khoản ngân hàng của Công ty Ngọc Minh để các công ty sử dụng hoá đơn chuyển khoản thanh toán tiền hàng là tổng giá trị hàng hoá bao gồm cả thuế GTGT được Ng ghi khống trên hoá đơn rồi báo cho Ng, sau đó Ng sử dụng séc hoặc giấy giới thiệu, giấy rút tiền của Công ty Ngọc Minh đã được Ng ký giả chữ ký Bùi Thị M (người đứng tên giám đốc) đến ngân hàng rút số tiền nói trên và giao lại cho các đối tượng mua hoá đơn bằng cách chuyển qua xe ôm, xe khách hoặc bưu điện. Về việc thực hiện giao dịch rút tiền tại ngân hàng, Ng trực tiếp thực hiện hoặc mượn chứng minh nhân dân của Nguyễn Đức Th để giao dịch nhưng không cho Th biết bản chất của giao dịch.

Đối với Công ty Sao Kim, Công ty Kim Thành, Công ty Bảo Lộc: Ng chuyển cho các đối tượng mua hóa đơn GTGT các chứng từ gồm séc hoặc giấy giới thiệu, giấy rút tiền đã được Ng ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” hoặc ký giả chữ ký người đứng tên giám đốc, đóng dấu chức danh, dấu công ty để trống phần nội dung để tự chuyển, rút số tiền hợp thức hóa. Một số lần theo thỏa thuận với người mua hóa đơn, Ng trực tiếp rút số tiền các công ty sử dụng hóa đơn chuyển khoản đến và trả lại cho các đối tượng mua hóa đơn.

Để che giấu việc các công ty chỉ xuất hoá đơn bán ra nhưng không có hàng hoá, dịch vụ mua vào, Ng thực hiện việc kê khai báo cáo thuế cho các công ty theo hình thức: Ng cộng tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ ghi/xuất khống trên hoá đơn GTGT của các công ty để kê khai hàng hoá, dịch vụ bán ra sau đó căn cứ số liệu nói trên, Ng khai khống giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào xấp xỉ bằng với hàng hoá, dịch vụ bán ra để thể hiện việc các công ty đều có hoạt động kinh doanh, có đóng thuế GTGT khấu trừ vào ngân sách, báo cáo thuế trong thời gian từ quý 4-2015 đến hết quý 4-2016 đối với Công ty Ngọc Minh; từ quý 4-2021 đến quý 3-2022 đối với Công ty Sao Kim; đối với Công ty Kim Thành, Công ty Bảo Lộc do hoạt động trong thời gian ngắn, chưa đến kỳ kê khai, nộp thuế nên Ng chưa kê khai, báo cáo thuế. Với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 04-2015

đến tháng 11-2022, Đào Thị Tuyết Ng đã bán trái phép tổng cộng 822 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của 04 công ty, tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là: 247.215.669.507 đồng. Trong đó:

Từ quý 4-2015 đến hết quý 4-2016, bán trái phép 228 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty Ngọc Minh, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa tính thuế là: 77.147.052.379 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là: 52.297.324 đồng.

Từ tháng 10-2021 đến hết tháng 9-2022, bán trái phép 455 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty Sao Kim, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa tính thuế là: 112.277.404.324 đồng. Số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước là: 30.210.785 đồng.

Từ tháng 9-2022 đến hết tháng 11-2022, bán trái phép 126 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty Kim Thành, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa tính thuế là: 37.034.230.004 đồng. Số tiền thuế đã nộp cho ngân sách nhà nước là: 3.359.313 đồng.

Từ tháng 10-2022 đến hết tháng 11-2022, bán trái phép 73 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty Bảo Lộc, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa tính thuế là: 20.756.982.800 đồng. Công ty Bảo Lộc chưa kê khai, nộp thuế cho quý 4 năm 2022.

Về việc thu lợi bất chính: Đào Thị Tuyết Ng bán trái phép hóa đơn GTGT của Công ty Ngọc Minh với giá 0,2%; bán trái phép hóa đơn GTGT của các Công ty Sao Kim, Kim Thành, Bảo Lộc cho Trương Văn D và nhiều khách hàng khác với giá 0,5% tính trên giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không chưa thuế GTGT. Đào Thị Tuyết Ng thu được 1.004.637.191 đồng tiền bán hoá đơn, tuy nhiên do Trương Văn D còn nợ Ng 200.000.000 đồng tiền mua hoá đơn, vì vậy thực tế Ng thu được 804.637.191 đồng qua việc bán trái phép hóa đơn GTGT của các công ty trên. Ngoài ra, Ng đã chi phí hết 510.317.422 đồng, gồm: Tiền thuê Nhân thành lập Công ty hết 400.000.000 đồng; chi nộp thuế 85.867.422 đồng; chi phí mua Văn phòng phẩm như giấy, máy in, máy tính 20.000.000 đồng; chi phí đặt mua hoá đơn điện tử 4.450.000 đồng. Sau khi trừ các khoản chi phí, Đào Thị Tuyết Ng thu lợi bất chính được 294.319.769 đồng, Ng đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Đối với hành vi của Trương Văn D: Do có quen biết từ trước và biết Ng có điều hành một số công ty để xuất bán trái phép hóa đơn GTGT nên D đã liên hệ với Ng để mua trái phép hoá đơn GTGT nhằm bán lại để kiếm lời. Từ tháng 01-2022 đến hết tháng 11-2022, khi có người cần mua hóa đơn GTGT, D trực tiếp nhận bảng kê hàng hóa, dịch vụ cần ghi không, thông tin đơn vị sử dụng hóa đơn từ người mua sau đó gửi chuyển tiếp cho Ng thông qua phần mềm Telegram để Ng lập nội dung và xuất hóa đơn điện tử. Sau khi xuất hóa đơn thành công, Ng gửi

lại cho D hóa đơn đã xuất thành công, đường dẫn để D gửi cho khách mua hóa đơn tự tra cứu và kiểm tra. Để hợp thức hóa các hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ bán cho D, Ng đều thực hiện hình thức, thủ đoạn như nội dung Ng đã thực hiện nêu trên. Trong khoảng thời gian trên, Trương Văn D đã mua của Ng 208 hóa đơn GTGT với tổng giá trị tiền hàng là: 56.773.056.580 đồng. Trong đó, D bán lại cho Đỗ Lệ Th 40 hóa đơn GTGT với tổng giá trị tiền hàng là: 2.911.936.580 đồng với giá 2,5%, thu được 73.000.000 đồng và 01 người đàn ông tên Thành (không rõ nhân thân, lai lịch) 168 hóa đơn với tổng giá trị tiền hàng là: 53.861.120.000 đồng với giá 0,7% thu được 377.027.840 đồng, đều tính trên số tiền hàng hóa chưa tính thuế. Thành đã trả cho D số tiền 77.000.000 đồng, còn nợ D 300.000.000 đồng (Thành và D thống nhất làm tròn số tiền chưa thanh toán). Tổng số tiền Trương Văn D bán hóa đơn thu được là 150.000.000 đồng. Trong đó, D đã trả cho Ng 83.000.000 đồng, trả tiền thuê xe ôm chuyên tải liệu 2.000.000 đồng, D còn thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn là 65.000.000 đồng.

Đối với hành vi của Đỗ Lệ Th: Thông qua các mối quan hệ xã hội, Th có quen biết với Trương Văn D và biết việc D có thể xuất bán các hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ. Từ tháng 7-2022 đến hết tháng 11-2022, Th đã liên hệ và mua các hóa đơn GTGT của Công ty Sao Kim, Công ty Kim Thành, Công ty Bảo Lộc với giá 2,5% để bán lại cho 01 người phụ nữ tên Thoa và 01 người phụ nữ tên Hồng (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 2,8% đều trên tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn chưa tính thuế GTGT. Khi có khách cần mua hóa đơn GTGT, Th trực tiếp nhận bảng kê hàng hóa, dịch vụ cần ghi không, thông tin đơn vị sử dụng hóa đơn từ khách qua các phần mềm thông tin liên lạc Zalo, Viber, Telegram sau đó gửi chuyển tiếp cho D qua Telegram. Sau khi xuất được hóa đơn thành công, D sẽ gửi lại cho Th bản hóa đơn điện tử đã xuất, đường dẫn để Th gửi cho khách mua hóa đơn tự tra cứu và kiểm tra qua Telegram. Để hợp thức hóa các hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ, D sẽ gửi cho Th các tờ giấy A4 lưu không để Th gửi cho khách mua hóa đơn tự soạn thảo các hợp đồng, tài liệu, chứng từ bằng xe ôm. Một số lần, Th trực tiếp soạn thảo các hợp đồng, tài liệu, chứng từ sau đó chuyển cho khách. Đối với các khoản tiền hợp thức hóa đã được chuyển đến tài khoản công ty xuất hóa đơn, D sẽ có trách nhiệm chuyển trực tiếp cho Th bằng tiền mặt sau đó Th sẽ thuê xe ôm mang tới trả cho khách. Th chỉ thực hiện dùng séc để rút tiền từ tài khoản của Công ty Sao Kim một lần. Đỗ Lệ Th mua của Trương Văn D 40 số hóa đơn GTGT ghi không giá trị hàng hóa, dịch vụ là 2.911.936.580 đồng với giá 2,5% trên tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi không trên hóa đơn chưa tính thuế để bán lại thu được 87.000.000 đồng. Th đã thanh toán hết tiền mua hóa đơn cho D là 73.000.000 đồng, Th đã thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn là 14.000.000 đồng.

Kết quả xác minh trụ sở 04 Công ty nêu trên đều không treo biển, không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Thị Tuyết Ng thu giữ: 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Bảo Lộc, M.S.D.N: 0202170999, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Nguyễn Đức Th”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259981 đến số AA19259990 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259961 đến số AA19259970 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 04 liên đã sử dụng từ số AA19259951 đến số AA19259954 và 06 tờ từ số AA19259955 đến số AA19259960 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Văn D thu giữ: 13 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M”; 12 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Đỗ Lệ Th thu giữ: 24 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 02 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M”.

Tại bản Kết luận giám định số 2028/KL-KTHS ngày 26/04/2023 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “*Chữ ký đứng tên Bùi Thị M trên các mẫu cần giám định so với chữ ký trong khung trên mẫu so sánh do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng tên Đào Thị Tuyết Ng trên các mẫu cần giám định so với chữ ký của Đào Thị Tuyết Ng trên mẫu so sánh do cùng một người ký ra.*”

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng, Cục thuế thành phố Hải Phòng, Chi cục thuế khu vực Ngô Quyền - Hải

An, kết quả xác minh phù hợp với những nội dung như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiến hành Lệnh Phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CQĐT ngày 12-12-2022 xác định: Số tiền 30.628 đồng trong tài khoản số 1661886666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Sao Kim; số tiền 9.711 đồng trong tài khoản số 202170068 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Kim Thành; số tiền 98.716 đồng trong tài khoản số 202176868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Bảo Lộc.

Đối với các doanh nghiệp, kê khai, sử dụng hóa đơn GTGT của 04 công ty Sao Kim, Kim Thành, Bảo Lộc, Ngọc Minh: Qua điều tra đã xác định được có 84 công ty sử dụng hóa đơn. Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập đối với các giám đốc của 84 công ty trên, kết quả có 68/84 công ty đã có văn bản giải trình thể hiện các công ty đều mua hàng hóa, dịch vụ có thật, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về giao dịch, ký kết, thực hiện và thanh quyết toán hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, còn lại 16/84 công ty Cơ quan điều tra chưa tiến hành ghi được lời khai.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lê Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng, tài liệu thu giữ: Toàn bộ hóa đơn, chứng từ, tài liệu khác thu giữ chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng.

Về dân sự:

- Quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cụ thể: Đào Thị Tuyết Ng nộp 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng, Trương Văn D nộp 10.000.000 (*mười triệu*) đồng, Đỗ Lê Th nộp 14.000.000 (*mười bốn triệu*) đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào tài khoản tạm giữ của Công an quận Hồng Bàng tại Kho bạc Nhà nước quận Hồng Bàng.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo tiếp tục tự nguyện nộp tiền để khắc phục hậu quả, cụ thể như sau: Đào Thị Tuyết Ng nộp 434.319.769 (*bốn trăm ba mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng; Trương Văn D nộp 215.000.000 (*hai trăm mười lăm triệu*) đồng; Đỗ Lê Th nộp 140.000.000 (*một trăm bốn mươi triệu*) đồng.

Tại Cáo trạng số 92/CT-VKSHB ngày 07 tháng 9 năm 2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo: Đào Thị Tuyết Ng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Trương Văn D,

Đỗ Lệ Th về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Kết luận giám định của Viện Khoa học Kỹ thuật hình sự Bộ Công an, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, sau phần xét hỏi và tranh luận, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (điều khoản có lợi cho bị cáo so với Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999); điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đào Thị Tuyết Ng số tiền từ 250.000.000 đồng đến 280.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trương Văn D số tiền từ 220.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đỗ Lệ Th số tiền từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng.

- *Về thu lợi bất chính, xử lý vật chứng và án phí:* Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ *Về thu lời bất chính:*

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đào Thị Tuyết Ng thu lời bất chính là 294.319.769 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 294.319.769 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đào Thị Tuyết Ng đã tự nguyện nộp tổng số tiền 484.319.769 (*bốn trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền là 484.319.769 đồng - 294.319.769 đồng = 190.000.000 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Trương Văn D thu lời bất chính là 65.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân

sách Nhà nước số tiền 65.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Trương Văn D đã tự nguyện nộp tổng số tiền 225.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền 225.000.000 đồng - 65.000.000 đồng = 160.000.000 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đỗ Lê Th thu lời bất chính là 14.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đỗ Lê Th đã tự nguyện nộp tổng số tiền 154.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền là 154.000.000 đồng - 14.000.000 đồng = 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

+ Về xử lý tài sản, vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Bảo Lộc, M.S.D.N: 0202170999, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Nguyễn Đức Th”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259981 đến số AA19259990 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259961 đến số AA19259970 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 04 liên đã sử dụng từ số AA19259951 đến số AA19259954 và 06 tờ từ số AA19259955 đến số AA19259960 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng” thu giữ của Đào Thị Tuyết Ng. Tịch thu tiêu hủy 13 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M”; 12 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng” thu giữ của Trương Văn D. Tịch thu tiêu hủy 24 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 02 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim,

M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M” thu giữ của Đỗ Lệ Th do liên quan đến hành vi phạm tội.

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CQĐT ngày 12-12-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng để tạm giữ đối với số tiền 30.628 đồng trong tài khoản số 1661886666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Sao Kim; số tiền 9.711 đồng trong tài khoản số 202170068 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Kim Thành; số tiền 98.716 đồng trong tài khoản số 202176868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Bảo Lộc (với tổng số tiền là 139.055 đồng) để bảo đảm thi hành án đối với bị cáo Đào Thị Tuyết Ng.

+ *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lệ Th, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ *Về các vấn đề khác:*

Đối với Nguyễn Đức Th là Giám đốc Công ty Bảo Lộc và Bùi Thị M là Giám đốc của Công ty Sao Kim, Công ty Ngọc Minh nhưng chỉ có hành vi cho Ng mượn giấy tờ tùy thân để thành lập doanh nghiệp, không có hành vi giúp sức Đào Thị Tuyết Ng thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Đối với người phụ nữ tên Nhân giúp Đào Thị Tuyết Ng trong việc thành lập các doanh nghiệp để bán trái phép hóa đơn, người đàn ông tên Thành có hành vi mua trái phép hóa đơn của D; người phụ nữ tên Thoa, Hồng có hành vi mua trái phép hóa đơn của Th, tài liệu điều tra chưa rõ nhân thân, lai lịch và các đối tượng có liên quan khác nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với 04 công ty Sao Kim, Kim Thành, Bảo Lộc, Ngọc Minh do Đào Thị Tuyết Ng thành lập để mua bán trái phép hóa đơn GTGT hiện đã dừng hoạt động, Cơ quan điều tra đã đề nghị Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp này.

Đối với 16 Công ty có sử dụng hóa đơn của 04 Công ty nêu trên để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào đã có yêu cầu cung cấp tài liệu và giấy triệu tập giám đốc, người đại diện pháp luật nhưng không phối hợp làm việc hoặc không hoạt động tại trụ sở đăng ký, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi các Cơ quan quản lý thuế biết, theo dõi và phối hợp xử lý.

Đối với 68 Công ty sử dụng hóa đơn GTGT của 04 công ty nêu trên để kê khai hàng hoá, dịch vụ đầu vào, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên:* Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Bà Bùi Thị M vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Đức Th vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, các bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do trước đó những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Việc vắng mặt của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[3] *Về tội danh:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Kết luận giám định của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an; vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 04-2015 đến tháng 11-2022, Đào Thị Tuyết Ng đã thành lập 04 doanh nghiệp để

bán trái phép tổng cộng 822 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 247.215.669.507 đồng, thu lợi bất chính số tiền 294.319.769 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo Đào Thị Tuyết Ng đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” quy định tại Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015). Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt nhẹ hơn so với Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999, nên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH 13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH 14 thì đây là quy định có lợi cho người phạm tội; vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 203 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử và quyết định hình phạt đối với bị cáo Đào Thị Tuyết Ng. Trương Văn D đã mua của Đào Thị Tuyết Ng tổng cộng 208 số hóa đơn GTGT ghi không giá trị hàng hoá, dịch vụ với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 56.773.056.580 đồng và bán lại nhằm mục đích kiếm lời, thu lợi bất chính số tiền 65.000.000 đồng. Đỗ Lệ Th đã mua của Trương Văn D tổng cộng 40 số hóa đơn GTGT ghi không giá trị hàng hoá, dịch vụ với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là 2.911.936.580 đồng và bán lại nhằm mục đích kiếm lời, thu lợi bất chính số tiền 14.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của các bị cáo Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lệ Th đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Vì vậy, phải xem xét, xử lý đảm bảo theo quy định của pháp luật, để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

- Về tính tiết định khung hình phạt:

[5] Bị cáo Đào Thị Tuyết Ng trong một thời gian dài thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT; cụ thể: Trong thời gian từ tháng 4-2015 đến tháng 11-2022, Đào Thị Tuyết Ng đã bán trái phép tổng cộng 822 số hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của 04 công ty với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là: 247.215.669.507 đồng, thu lợi bất chính số tiền 294.319.769 đồng. Do đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đào Thị Tuyết Ng phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Văn D trong thời gian từ tháng 01-2022 đến hết tháng 11-2022 đã mua của bị cáo Ng tổng cộng 208 hóa đơn GTGT với tổng giá trị tiền hàng là: 56.773.056.580 đồng, thu lợi bất chính số

tiền 65.000.000 đồng. Bị cáo Đỗ Lệ Th từ tháng 7-2022 đến hết tháng 11-2022 đã mua của Trương Văn D tổng cộng 40 số hóa đơn GTGT ghi khống giá trị hàng hoá, dịch vụ là 2.911.936.580 đồng, thu lợi bất chính số tiền 14.000.000 đồng. Do đó có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trương Văn D, Đỗ Lệ Th phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đào Thị Tuyết Ng, Đỗ Lệ Th ra tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Văn D sau khi phạm tội ra đầu thú; ngoài ra các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả và đã nộp tiền thu lời bất chính để khắc phục hậu quả, nên có thể coi đây là các tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự:* Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự để xét xử đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, các bị cáo không có sự thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội từ đầu, không có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm; không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể hoặc giúp sức để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Ng là người thực hiện việc thành lập các công ty và là người trực tiếp xuất bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, bị cáo D chỉ là trung gian nhận thông tin từ khách hàng có nhu cầu để mua hóa đơn GTGT từ bị cáo Ng nhằm bán lại kiếm lời. Bị cáo Th là người biết bị cáo D có thể xuất bán trái phép hóa đơn GTGT nên đã cung cấp thông tin cho D để mua hóa đơn và bán lại kiếm lời. Do vậy, hành vi của các bị cáo được thực hiện một cách độc lập, không phải là đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự nên không xem xét quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 58 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xét xử đối với các bị cáo.

- *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hình phạt:* Trong vụ án này các bị cáo không đồng phạm với nhau và có vai trò độc lập. Tuy nhiên, cần phải đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để xem xét khi quyết định hình phạt.

[9] *Về hình phạt:*

[9.1] Về hình phạt chính: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Đào Thị Tuyết Ng khai nhận là người thực hiện hành vi thành lập 04 Công ty và trực tiếp bán ra 822 số hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa, dịch vụ của 04 công ty với tổng giá trị hàng hóa dịch vụ trên hóa đơn chưa tính thuế là: 247.215.669.507 đồng, thu lời bất chính số tiền 294.319.769 đồng nên bị cáo Ng phải chịu hình phạt cao nhất. Bị cáo Trương Văn D thực hiện việc mua 208 hóa đơn GTGT với tổng giá trị tiền hàng là: 56.773.056.580 đồng, thu lời bất chính số tiền 65.000.000 đồng nên bị cáo D chịu hình phạt thấp hơn bị cáo Ng. Bị cáo Đỗ Lê Th đã mua của Trương Văn D 40 số hóa đơn GTGT ghi khống giá trị hàng hoá, dịch vụ với tổng giá trị tiền hàng là 2.911.936.580 đồng, thu lợi bất chính số tiền 14.000.000 đồng nên bị cáo Th chịu hình phạt thấp nhất. Căn cứ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự thì hành vi của các bị cáo: Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lê Th bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, các bị cáo Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lê Th có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [6], phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có khả năng thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền. Do đó, cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo mà không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[9.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do hình phạt chính áp dụng đối với các bị cáo Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lê Th là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[10] *Về các vấn đề khác:*

[10.1] Đối với Nguyễn Đức Th là Giám đốc Công ty Bảo Lộc và Bùi Thị M là Giám đốc của Công ty Sao Kim, Công ty Ngọc Minh nhưng chỉ có hành vi cho Ng mượn giấy tờ tùy thân để thành lập doanh nghiệp, không được hưởng lợi, không có hành vi giúp sức Đào Thị Tuyết Ng thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[10.2] Đối với phụ nữ tên Nhân giúp Đào Thị Tuyết Ng trong việc thành lập các doanh nghiệp để bán trái phép hóa đơn và người đàn ông tên Thành có hành vi mua trái phép hóa đơn của D; người phụ nữ tên Thoa, Hồng có hành vi mua trái phép hóa đơn của Th và các đối tượng có liên quan khác, tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[10.3] Đối với 04 công ty Sao Kim, Kim Thành, Bảo Lộc, Ngọc Minh do Đào Thị Tuyết Ng thành lập để mua bán trái phép hóa đơn GTGT hiện đã dừng hoạt động, Cơ quan điều tra đã đề nghị Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp này là có căn cứ.

[10.4] Đối với 16 Công ty có sử dụng hóa đơn của 04 Công ty nêu trên để kê khai hàng hóa, dịch vụ đầu vào, Cơ quan điều tra đã yêu cầu cung cấp tài liệu và giấy triệu tập giám đốc, người đại diện pháp luật nhưng không phối hợp làm việc hoặc không hoạt động tại trụ sở đăng ký, Cơ quan điều tra đã có công văn gửi các Cơ quan quản lý thuế biết, theo dõi và phối hợp xử lý là có căn cứ.

[10.5] Đối với 68 Công ty sử dụng hóa đơn GTGT của 04 công ty nêu trên để kê khai hàng hoá, dịch vụ đầu vào, căn cứ tài liệu điều tra, hiện chưa xác định được hành vi vi phạm, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý là có căn cứ.

[11] *Về thu lợi bất chính:*

[11.1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đào Thị Tuyết Ng thu lời bất chính là 294.319.769 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 294.319.769 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đào Thị Tuyết Ng đã tự nguyện nộp tổng số tiền 484.319.769 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền là $484.319.769 \text{ đồng} - 294.319.769 \text{ đồng} = 190.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[11.2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Trương Văn D thu lời bất chính là 65.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 65.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Trương Văn D đã tự nguyện nộp tổng số tiền 225.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền $225.000.000 \text{ đồng} - 65.000.000 \text{ đồng} = 160.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[11.3] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, chứng minh được số tiền Đỗ Lệ Th thu lời bất chính là 14.000.000 đồng. Vì vậy, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 14.000.000 đồng. Trong giai đoạn điều tra và chuẩn bị xét xử, bị cáo Đỗ Lệ Th đã tự nguyện nộp tổng số tiền 154.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được trả lại số tiền là $154.000.000 \text{ đồng} - 14.000.000 \text{ đồng} = 140.000.000 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

[12] *Về xử lý tài sản, vật chứng, biện pháp cưỡng chế:*

[12.1] Tịch thu tiêu hủy 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Bảo Lộc, M.S.D.N: 0202170999, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Nguyễn Đức Th”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259981 đến số AA19259990 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259961 đến số AA19259970 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 04 liên đã sử dụng từ số AA19259951 đến số AA19259954 và 06 tờ từ số AA19259955 đến số AA19259960 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng” thu giữ của Đào Thị Tuyết Ng. Tịch thu tiêu hủy 13 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M”; 12 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng” thu giữ của Trương Văn D. Tịch thu tiêu hủy 24 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 02 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M” thu giữ của Đỗ Lệ Th do liên quan đến hành vi phạm tội.

[12.2] Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CQĐT ngày 12-12-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng để tạm giữ đối với số tiền 30.628 đồng trong tài khoản số 1661886666 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Sao Kim; số tiền 9.711 đồng trong tài khoản số 202170068 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Kim Thành; số tiền 98.716 đồng trong tài khoản số 202176868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu của Công ty Bảo Lộc (với tổng số tiền là 139.055 đồng) để bảo đảm thi hành án đối với bị cáo Đào Thị Tuyết Ng.

[13] *Về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 so với quy định tại khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999); điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đào Thị Tuyết Ng số tiền 280.000.000 (*hai trăm tám mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Trương Văn D số tiền 240.000.000 (*hai trăm bốn mươi triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo Đỗ Lệ Th số tiền 210.000.000 (*hai trăm mười triệu*) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D và Đỗ Lệ Th.

- *Về thu lợi bất chính*: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

+ Buộc bị cáo Đào Thị Tuyết Ng phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 294.319.769 (*hai trăm chín mươi tư triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Đào Thị Tuyết Ng đã nộp tổng số tiền 484.319.769 (*bốn trăm tám mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006141, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng (trong đó có 50.000.000 đồng do bị cáo Đào Thị Tuyết Ng giao nộp; 10.000.000 đồng do bị cáo Trương Văn D giao nộp; 14.000.000 đồng do bị cáo Đỗ Lệ Th giao nộp) và số tiền 244.319.769 (*hai trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm mười chín nghìn, bảy trăm sáu mươi chín*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002549, ngày 29 tháng 01 năm 2024, số tiền 190.000.000 (*một trăm chín mươi triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002551, ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Trả lại cho Đào Thị Tuyết Ng số tiền 190.000.000 (*một trăm chín mươi triệu triệu*) đồng, tuy nhiên tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

+ Buộc bị cáo Trương Văn D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 65.000.000 (*sáu mươi lăm triệu*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Trương Văn D đã nộp tổng số tiền 225.000.000 (*hai trăm hai mươi lăm triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006141, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng (trong đó có 50.000.000 đồng do bị cáo Đào Thị Tuyết Ng giao nộp; 10.000.000 đồng do bị cáo Trương Văn D giao nộp; 14.000.000 đồng do bị cáo Đỗ Lệ Th giao nộp) và số tiền 215.000.000 (*hai trăm mười lăm triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002552, ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Trả lại cho Trương Văn D số tiền 160.000.000 (*một trăm sáu mươi triệu*) đồng, tuy nhiên tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

+ Buộc bị cáo Đỗ Lệ Th phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 14.000.000 (*mười bốn triệu*) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo Đỗ Lệ Th đã nộp tổng số tiền 154.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0006141, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng (trong đó có 50.000.000 đồng do bị cáo Đào Thị Tuyết Ng giao nộp; 10.000.000 đồng do bị cáo Trương Văn D giao nộp, 14.000.000 đồng do bị cáo Đỗ Lệ Th giao nộp) và số tiền 140.000.000 (*một trăm bốn mươi triệu*) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002537, ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Trả lại cho Đỗ Lệ Th số tiền 140.000.000 (*một trăm bốn mươi triệu*) đồng, tuy nhiên tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo.

- *Về xử lý tài sản, vật chứng*: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu tiêu hủy 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 dấu tròn “Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Bảo Lộc, M.S.D.N: 0202170999, Thành phố Hải Phòng” và 01 dấu chức danh “Giám đốc Nguyễn Đức Th”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259981 đến số AA19259990 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 10 tờ từ số AA19259961 đến số AA19259970 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 01 Quyền séc của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu gồm 04 liên đã sử dụng từ số AA19259951 đến số AA19259954 và 06 tờ từ số AA19259955 đến số AA19259960 có đóng dấu “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám

độc Đào Thị Tuyết Ng” thu giữ của Đào Thị Tuyết Ng. Tịch thu tiêu hủy 13 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M”; 12 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng” thu giữ của Trương Văn D. Tịch thu tiêu hủy 24 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH kinh doanh vật liệu xây dựng Kim Thành, M.S.D.N: 0202170068, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Đào Thị Tuyết Ng”; 02 tờ giấy A4 có đóng dấu tròn “Công ty TNHH DV vận tải và xây dựng Sao Kim, M.S.D.N: 0202129711, Thành phố Hải Phòng”, có chữ ký và đóng dấu chức danh “Giám đốc Bùi Thị M” thu giữ của Đỗ Lệ Th do liên quan đến hành vi phạm tội.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao, nhận giữa Công an quận Hồng Bàng và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng ngày 02-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- *Về biện pháp cưỡng chế:* Căn cứ Điều 126, Điều 129 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/LPT-CQĐT ngày 12-12-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng để tạm giữ đối với số tiền 30.628 (*ba mươi nghìn, sáu trăm hai mươi tám*) đồng trong tài khoản số 1661886666 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Phòng Giao dịch Tô Hiệu, Hải Phòng của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Sao Kim; số tiền 9.711 (*chín nghìn, bảy trăm mười một*) đồng trong tài khoản số 202170068 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Phòng Giao dịch Tô Hiệu, Hải Phòng của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và xây dựng Kim Thành; số tiền 98.716 (*chín mươi tám nghìn, bảy trăm mười sáu*) đồng trong tài khoản số 202176868 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Phòng Giao dịch Tô Hiệu, Hải Phòng của Công ty TNHH dịch vụ và xây dựng Bảo Lộc (với tổng số tiền là 139.055 đồng) để bảo đảm thi hành án đối với bị cáo Đào Thị Tuyết Ng.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Đào Thị Tuyết Ng, Trương Văn D, Đỗ Lệ Th, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chung